

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN NĂM 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên (Hakipack)**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1700110786
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 40.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: *Quốc lộ 80, khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang*
- Số điện thoại: 077.3856947 - 3854236 Fax : 077.3853804
- Website: www.hakipack.com.vn Email : hakipack@vnn.vn

2. Quá trình phát triển :

- Tiền thân của công ty CP Bao Bì Hà Tiên là công ty LD Bao Bì Hà Tiên được thành lập từ năm 1997 theo giấy phép thành lập số 005671/GP.TLND-02 ngày 17 tháng 04 năm 1997 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

- Ngày 24 tháng 10 năm 2007 UBND tỉnh Kiên Giang ra quyết định số 2062/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án chuyển đổi công ty LDBB Hà Tiên thành công ty cổ phần. Theo phương án trên vốn điều lệ của công ty là 40 tỷ đồng , trong đó phần đầu giá bán cho các tổ chức, cá nhân qua Sở GDCK Tp.HCM là 22,69 tỷ đồng , chiếm 56,73% vốn điều lệ.

- Ngày 12 tháng 05 năm 2008, Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu để thành lập công ty. Cơ cấu vốn điều lệ như sau :

+ Vốn góp của nhà nước : 34.761.100.000 đồng, chiếm 86,9% vốn điều lệ.

+ Vốn góp của cổ đông khác : 5.239.000.000 đồng chiếm 13,1% vốn điều lệ

- Ngày 30 tháng 05 năm 2008 Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang, chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần

- Ngày 07 tháng 04 năm 2009 Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên đã đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 1 tại Sở kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang và được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1700110786. Ngày 07 tháng 11 năm 2010 Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 với số chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế như cũ.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700110786 ngày 07 tháng 01 năm 2010 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang, ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất sợi (13110); sản xuất vải dệt thoi (13120); hoàn thiện sản phẩm dệt (13130); đại lý (46101); môi giới (46102); bán buôn tơ, xơ, sợi dệt (46695); bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699).

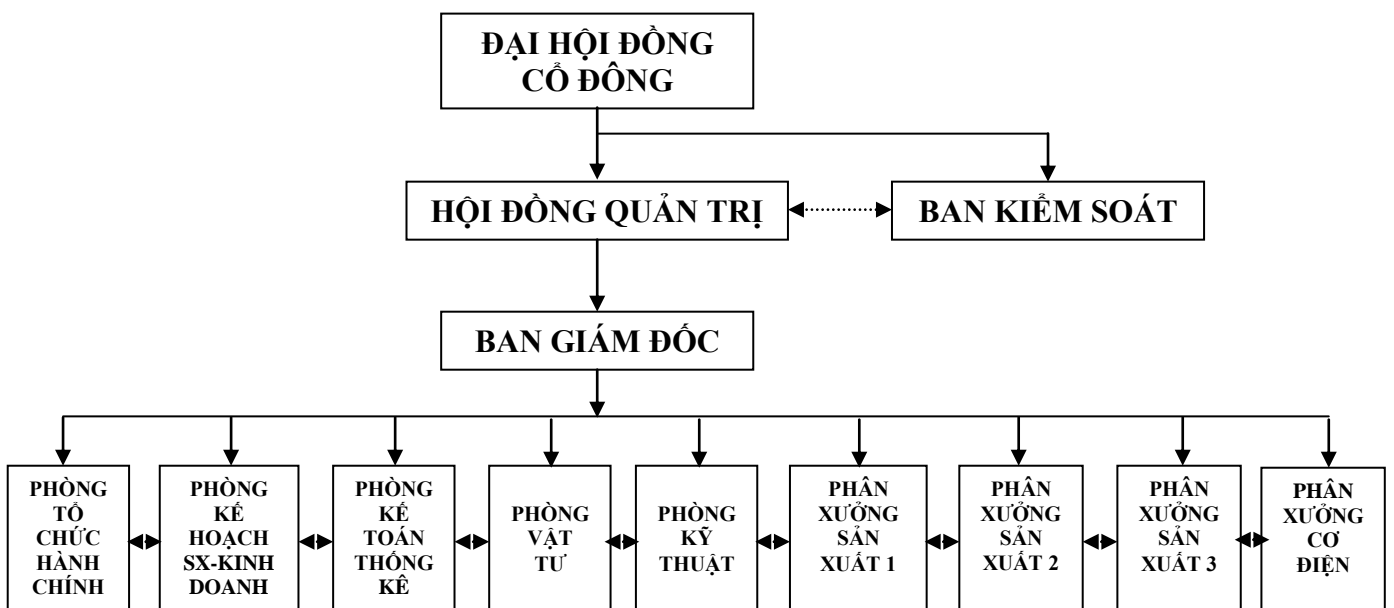
Hiện tại hoạt động sản xuất chính của Công ty là sản xuất bao bì các loại từ PP và giấy kraft, sản phẩm chủ lực là bao bì xi măng và loại bao lớn (bigbag) có sức chứa 500 – 2.000 kg.

Địa bàn kinh doanh: địa bàn kinh doanh của công ty ở cả trong và ngoài nước, ở trong nước thì công ty có khách hàng ở nhiều tỉnh thành trong cả nước, trải dài từ Nam ra Bắc nhưng tập trung nhiều ở các tỉnh phía Nam, thị trường nước ngoài thì khách hàng của công ty chủ yếu ở Tây Ban Nha và Mỹ

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp gồm có : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và 05 phòng ban chuyên môn, 4 phân xưởng sản xuất.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



Hội đồng quản trị công ty năm 2013 gồm có 5 thành viên, Ban Giám đốc công ty gồm có 2 thành viên, Ban kiểm soát công ty gồm có 3 thành viên

5. Định hướng phát triển

Mục tiêu hoạt động của Công ty là kinh doanh phải có hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; huy động vốn của các tổ chức, cá nhân để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp; phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; đảm bảo hài hoà lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: giữ vững và phát triển thêm thị phần trong nước và xuất khẩu với 2 sản phẩm chủ lực là bao xi măng và bao bigbag. Đầu tư nâng công suất sản xuất lên 70-80 triệu vỏ bao/năm (quy đổi về vỏ bao xi măng). Trong đó sản lượng bao lớn có sức chứa 500kg - 2.000kg đạt 1 triệu bao/năm (# 32 triệu vỏ bao xi măng) còn lại là bao xi măng, các sản phẩm phác.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013 hoạt động sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ xi măng chưa có dấu hiệu khả quan nên nhu cầu vỏ bao xi măng chưa thể tăng trưởng trở lại, bên cạnh đó vỏ bao xi măng có xu hướng chuyển dịch sang loại bao dán, chủng loại này công ty chưa sản xuất được, bao bigbag xuất khẩu vào thị trường EU gặp nhiều khó khăn, giá nguyên liệu nhựa biến động khó lường, chi phí đầu vào tăng cao do ảnh hưởng từ chính sách vĩ mô của nhà nước...; tuy nhiên với sự phấn đấu của tập thể lãnh đạo, CB-CNV công ty và được sự tin nhiệm của khách hàng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt nhiều kết quả tốt.

Sản lượng tiêu thụ (quy đổi về vỏ bao xi măng) đạt : 43.349.012 cái, so với kế hoạch đạt 103%.

Doanh thu đạt 203.075.295.670 đồng, so với kế hoạch đạt 104%

Lợi nhuận đạt 6.093.557.220 đồng, so với kế hoạch đạt 107%

Tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 dự kiến là 18%/ năm , so với kế hoạch đạt 100%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Tóm tắt lý lịch các thành viên BGD, KTT và các thông tin liên quan

a) Giám đốc điều hành – ông Nguyễn Hữu Đức

- Ngày tháng năm sinh: 15/10/1959
- CMND số : 371 565 257 ngày cấp 05/02/2009 tại Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: cử nhân tài chính kế toán
- Chức vụ, nơi công tác hiện tại: Giám đốc - Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên. Địa chỉ : Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Số cổ phần nắm giữ : 801.375 cổ phần

Trong đó : + đại diện sở hữu vốn của tổ chức : 769.025 cổ phần

+ cá nhân sở hữu : 32.350 cổ phần

- Số CP của những người có liên quan nắm giữ: Không

- Những khoản nợ đối với công ty : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b) Phó giám đốc – ông Phan Minh Hoàng

- Ngày tháng năm sinh: 17/09/1958
- CMND số : 370 471 465 ngày cấp 09/11/2005 tại Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Chức vụ, nơi công tác hiện tại: Phó Giám đốc - Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên. Địa chỉ : Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Số cổ phần nắm giữ : 205.550 cổ phần
Trong đó : + đại diện sở hữu vốn của tổ chức : 200.000 cổ phần
+ cá nhân sở hữu : 5.550 cổ phần
- Số CP của những người có liên quan nắm giữ: Không
- Những khoản nợ đối với công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

c) Trưởng phòng kế toán – ông Văn Ngọc Lưu

- Ngày tháng năm sinh: 09/12/1980
- CMND số : 331 248 992 ngày cấp 26/03/1997 tại Vĩnh Long
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

- Chức vụ, nơi công tác hiện tại: Trưởng phòng kế toán - Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên. Địa chỉ : Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Số cổ phần nắm giữ : 5.500 cổ phần
Trong đó : + đại diện sở hữu vốn của tổ chức : 0 cổ phần
+ cá nhân sở hữu : 5.500 cổ phần
- Số CP của những người có liên quan nắm giữ: Không
- Những khoản nợ đối với công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty : tính đến thời điểm 31/12/2013, tổng số lao động của Công ty là 479 người, lao động bình quân là 478 người.

Chính sách đối với người lao động :

* Chính sách tiền lương : Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc cho người lao động. Định kỳ hàng năm xét nâng lương, nâng bậc cho những cá nhân có thành tích tốt trong công tác.

* Chính sách thưởng : định kỳ hoặc đột xuất Công ty thực hiện khen thưởng cho những cá nhân và tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc các đóng góp khác mà hội đồng khen thưởng kỷ luật công ty xét thấy hợp lý.

* Chính sách đào tạo:

Công ty luôn đề cao và coi trọng con người, đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của đơn vị. Vì vậy chính sách đào tạo của Công ty là:

- Việc đào tạo lao động được thực hiện theo kế hoạch. Công ty coi trọng công tác đào tạo và huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ; Huy động hợp lý nguồn lực để thực hiện kế hoạch đào tạo.

- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những người tài giỏi phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những chức vụ, chức danh cao hơn.

- Công tác đào tạo, huấn luyện có thể được thực hiện ở trong nước và nước ngoài.

* Các chế độ chính sách khác đối với người lao động :

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ người lao động được hưởng theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể công ty quy định. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; có chính sách hỗ trợ cho những trường hợp khó khăn; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm máy móc thiết bị nhà xưởng để nâng cao năng lực, giá trị đầu tư tương đương 3,98 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	121.505	110.083	(9%)
Doanh thu thuần	207.813	203.075	(2%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.325	7.797	(37%)
Lợi nhuận khác	-39	277	
Lợi nhuận trước thuế	12.287	8.075	(34%)
Lợi nhuận sau thuế	11.322	6.095	(46%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	11,3%	(43%)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,44	1,51	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,89	0,87	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	54%	53%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	117%	112%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	4,43	5,11	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,63	1,75	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,4%	3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	20,2%	11,3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,9%	5,3%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,9%	3,8%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

* Cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 4.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng : 4.000.000 cổ phần
 - Trong đó cổ phần phổ thông : 4.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 4.000.000 cổ phần
 - Trong đó cổ phần phổ thông : 4.000.000 cổ phần

- Số cổ phiếu tự do chuyên nhượng: 351.900 cổ phần
- Số cổ phiếu bị hạn chế chuyên nhượng: 3.648.100 cổ phần

*** Cơ cấu cổ đông**

TT	CƠ CẤU	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Cổ đông là tổ chức	3.476.100	86,9%
	<i>Trong đó: Cổ đông nhà nước</i>	<i>3.476.100</i>	<i>86,9%</i>
2	Cổ đông là cá nhân	523.900	13,1%

- Thông tin về cổ đông lớn :

TT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SH
1	Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	Số 228, Lê Duẩn, quận Đống Đa, Hà Nội	1.538.050	38,45%
2	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nhà Kiên Giang	Số 501, Mạc Cửu, phường Vĩnh Quang, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	1.538.050	38,45%
3	Công ty TNHH 1TV Phương Nam Kiên Giang	Số 61- 61, lô G8, đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, khu lấn biển, P.An Hoà, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	400.000	10,00%

Biến động về cơ cấu, tỷ lệ sở hữu trong năm : không có sự thay đổi

- * Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có
- * Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
- * Các chứng khoán khác: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều khó khăn: giá nguyên liệu đầu vào luôn ở mức cao; bên cạnh đó tiêu thụ vỏ bao xi măng đạt thấp do ảnh hưởng từ việc suy giảm sản lượng tiêu thụ của khách hàng chiến lược. Trong bối cảnh khó khăn đó tập thể lãnh đạo, CB-CNV Công ty đã chủ động trong sản xuất kinh doanh; phấn đấu vượt khó nên đã đạt được những kết quả như sau:

- Hoạt động sản xuất: năng suất, chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng lên, đáp ứng được thị hiếu của khách hàng; có nhiều giải pháp tiên tiến giúp tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

- Hoạt động tiêu thụ : tuy sản phẩm vỏ bao xi măng đạt thấp nhưng bù lại, bao bigbag của công ty được khách hàng rất ưa chuộng và công ty cũng đã tích cực tìm kiếm khách hàng mới nên đã phần nào bù đắp được sản lượng suy giảm. Sản lượng tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận thực hiện đều vượt mức kế hoạch đề ra, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn, chia cổ tức cho cổ đông.

Nhìn chung, công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch đề ra, giữ vững được thị phần và tìm được nhiều khách hàng mới đầy tiềm năng. Sản phẩm của Công ty ngày càng được thị trường ưa chuộng đặc biệt là sản phẩm bao bigbag.

2. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	Ghi chú
A. Tài sản	121.506	110.084	
I. Tài sản ngắn hạn	91.681	84.008	
II. Tài sản dài hạn	29.825	26.076	
B. Nguồn vốn	121.506	110.084	
I. Nợ phải trả	65.595	58.223	
II. Vốn chủ sở hữu	55.911	51.861	

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Công ty đã thực hiện cơ cấu lại lao động tại các đơn vị trên nguyên tắc tinh gọn và hiệu quả làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, thu nhập của người lao động từ đó cũng tăng lên; Công tác đào tạo được chú trọng nên trình độ, tay nghề của người lao động ngày càng hoàn thiện hơn.

- Công ty duy trì và thực hiện tốt ISO 9001-2004 và ISO 14001-2008 để kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm.

- Thương hiệu của công ty ngày càng tăng lên thông qua việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín trong kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Công suất thiết kế của công ty là 40 triệu vỏ bao/năm, hiện tại sản lượng sản xuất đã vượt mức trên. Công tác bán hàng được chú trọng nên công ty đã tìm được nhiều thị trường mới với những khách hàng đầy tiềm năng. Để đáp ứng nhu cầu trên, theo kế hoạch, công ty sẽ đầu tư để nâng công suất thiết kế lên đạt 70 – 80 triệu vỏ bao (quy đổi về vỏ bao xi măng) dự kiến thực hiện khi có điều kiện thuận lợi.

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết mà Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị công ty đã đề ra, cụ thể:

- Về hoạt động sản xuất kinh: công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều vượt mức kế hoạch, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn, đồng thời đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông.

- Về đầu tư mua sắm tài sản: công ty đã triển khai đầu tư mua sắm đúng theo chủ trương đã được phê duyệt, trong đó chi để mua sắm tài sản cố định trong năm là **3,98** tỷ đồng

- Các vấn đề khác công ty cũng đã thực hiện đúng theo tinh thần của nghị quyết đề ra.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc công ty có hai thành viên đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, năm qua Ban Giám đốc công ty với sự tham mưu của các cán bộ quản lý đã điều hành hoạt động của công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, triển khai đúng theo tinh thần nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị, thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn mà Hội đồng quản trị đã giao.

Với những quyết sách đúng đắn, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của công ty có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, chất lượng lao động, thu nhập của người lao động từng bước được nâng cao tạo tiền đề phát triển bền vững. Nhìn chung Ban giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Năm 2014 dự báo nhu cầu vỏ bao xi măng không tăng, xuất khẩu vào thị trường Tây Ban Nha tiếp tục gặp khó khăn. Vì vậy chiến lược của công ty là tập trung nguồn lực cho nhóm sản phẩm thế mạnh của công ty là bao bigbag, đồng thời tiếp tục thực hiện các giải pháp:

- Tiếp tục thực hiện đổi mới công nghệ tiến tới đổi mới toàn bộ thiết bị của công ty. Công nghệ mới được lựa chọn phải tiêu tốn ít năng lượng, năng suất cao, chất lượng sản phẩm ổn định, phế liệu phế phẩm thấp và chi phí nhân công thấp

- Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng các chương trình đào tạo liên tục, đào tạo lại, cập nhật bồi dưỡng kiến thức.

- Tăng cường công tác tổ chức, hợp lý hoá sản xuất, công tác thị trường; sử dụng các dịch vụ tư vấn, đánh giá doanh nghiệp, cải tiến nâng cao công tác quản lý của công ty.

- Tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả thiết bị nhà xưởng hiện hữu, đảm bảo khai thác ở mức công suất cao nhất.

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công ty cần đặc biệt quan tâm đến đời sống của người lao động, tạo điều kiện để người lao động nâng cao thu nhập, giải quyết hài hoà lợi ích của người lao động và cổ đông.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu HĐQT

Hội đồng quản trị công ty có 5 thành viên không chuyên trách, trong đó có 2 thành viên đồng thời là thành viên Ban Giám đốc công ty. Danh sách và tóm tắt lý lịch các thành viên như sau

a) Chủ tịch HĐQT – ÔNG TRẦN VĂN XUÂN

- Ngày tháng năm sinh: 19/10/1961
- CMND số : 370 440 692 ngày cấp 22/11/1999 tại Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ, nơi công tác hiện tại: Tổng giám đốc - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nhà Kiên Giang (trước là Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang). Địa chỉ : số 501 Mạc Cửu, phường Vĩnh Quang, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Số cổ phần nắm giữ : 1.338.050 cổ phần

Trong đó : + đại diện sở hữu vốn của tổ chức : 1.338.050 cổ phần

+ cá nhân sở hữu : không

- Số CP của những người có liên quan nắm giữ: Không
- Những khoản nợ đối với công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b) Thành viên HĐQT – ÔNG NGUYỄN HỮU ĐỨC

(Như mục a phần II.2.1)

c) Thành viên HĐQT – ÔNG PHAN MINH HOÀNG

(Như mục b phần II.2.1)

d) Thành viên HĐQT – ÔNG CÁI HỒNG THU

- Ngày tháng năm sinh: 02/08/1959
- CMND số : 020120600, cấp ngày: 08/9/2006, tại: CA Tp.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hoá vô cơ
- Chức vụ, nơi công tác hiện tại: P.TGD công ty CP Xi măng Hà Tiên 1, kiêm Giám đốc Nhà máy xi măng Kiên Lương. Địa chỉ : Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Số cổ phần nắm giữ : 769.025 cổ phần

Trong đó : + đại diện sở hữu vốn của tổ chức : 769.025 cổ phần

- + cá nhân sở hữu : không
- Số CP của những người có liên quan nắm giữ: Không
- Những khoản nợ đối với công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

e) Thành viên HĐQT – ÔNG TRƯƠNG THANH HIẾU

- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1970
- CMND số : 370 611 274 ngày cấp 02/02/2004 tại Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ, nơi công tác: Phó tổng giám đốc - Công ty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang. Địa chỉ : số 61- 62, lô 9, Nguyễn Văn Cừ, P.An Hoà, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang
- Số cổ phần nắm giữ : 400.000 cổ phần
 Trong đó : + đại diện sở hữu vốn của tổ chức : 400.000 cổ phần
 + cá nhân sở hữu : không
- Số CP của những người có liên quan nắm giữ: Không
- Những khoản nợ đối với công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

1.2. Hoạt động của HĐQT

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức 7 kỳ họp để đánh giá kết quả hoạt động của Công ty, định hướng hoạt động cho kỳ tiếp theo đồng thời xem xét, phê duyệt các chủ trương của công ty đề xuất nhằm ổn định và phát triển hoạt động SXKD của Công ty. Các thành viên tham dự các cuộc họp như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Văn Xuân	Chủ tịch	7/7	100%	
2	Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên	7/7	100%	
3	Ông Phan Minh Hoàng	Thành viên	7/7	100%	
4	Ông Cái Hồng Thu	Thành viên	6/7	86%	Bận công tác
5	Ông Trương Thanh Hiếu	Thành viên	7/7	100%	

Hội đồng quản trị đã ra 7 nghị quyết để Công ty thực hiện, các nghị quyết cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	31 /NQ-HĐQT	31/01/2013	Thông qua báo cáo tổng kết năm 2012, báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, chỉ tiêu kế hoạch 2012, kế hoạch tổ chức ĐHCĐ

2	01 /NQ-HĐQT	14/05/2013	Thông qua báo cáo quý 1, báo cáo tài chính quý 1, phê duyệt các vấn đề liên quan đến mua sắm thiết bị
3	02 /NQ-HĐQT	10/06/2013	Phê duyệt các vấn đề phát sinh liên quan đến mua sắm thiết bị
4	03 /NQ-HĐQT	08/08/2013	Thông qua báo cáo quý 2, báo cáo tài chính quý 2, thông qua chủ trương mua sắm, thanh lý một số máy móc thiết bị
5	04 /NQ-HĐQT	26/08/2013	Phê duyệt các vấn đề phát sinh liên quan đến mua sắm thiết bị
6	05 /NQ-HĐQT	18/11/2013	Thông qua báo cáo quý 3, báo cáo tài chính quý 3, thông qua chủ trương mua sắm máy móc thiết bị, tiền lương
7	06 /NQ-HĐQT	06/12/2013	Phê duyệt chủ trương mua sắm thiết bị

2. Ban kiểm soát

1.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát công ty có 3 thành viên, Danh sách và tóm tắt lý lịch các thành viên như sau

a) Trưởng ban kiểm soát – ÔNG NGUYỄN VĂN ÚT

- Ngày tháng năm sinh: 20/06/1968
- CMND số : 371 502 341 ngày cấp 04/03/2008 tại Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Chức vụ, nơi công tác hiện tại: Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nhà Kiên Giang (trước đây là Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang). Địa chỉ : số 501 Mạc Cửu, phường Vĩnh Quang, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Số cổ phần nắm giữ : 1.000 cổ phần
Trong đó : + đại diện sở hữu vốn của tổ chức : không
+ cá nhân sở hữu : 1.000 cổ phần
- Số CP của những người có liên quan nắm giữ: Không
- Những khoản nợ đối với công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b) Thành viên ban kiểm soát – ÔNG NGUYỄN VĂN CƯỜNG

- Ngày tháng năm sinh: 10/05/1974
- CMND số : 371 381 901 ngày cấp 17/07/2006 tại Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế**
- Chức vụ, nơi công tác hiện tại: Quản đốc phân xưởng cơ điện - Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên. Địa chỉ : Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Số cổ phần nắm giữ : 4.600 cổ phần
 Trong đó : + đại diện sở hữu vốn của tổ chức : không
 + cá nhân sở hữu : 4.600 cổ phần
- Số CP của những người có liên quan nắm giữ: không
- Những khoản nợ đối với công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

c) Thành viên ban kiểm soát – ÔNG PHẠM XUÂN NGHIÊM

- Ngày tháng năm sinh: 15/12/1974
- CMND số : 370 688 043 ngày cấp 07/05/1991 tại Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Điện tử
- Chức vụ, nơi công tác hiện tại: Quản đốc phân xưởng sản xuất 1 - Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên. Địa chỉ : Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
- Số cổ phần nắm giữ : 950 cổ phần
 Trong đó : + đại diện sở hữu vốn của tổ chức : không
 + cá nhân sở hữu : 950 cổ phần
- Số CP của những người có liên quan nắm giữ: **11.000 cổ phần**
- Những khoản nợ đối với công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát họp thường kỳ 2 lần mỗi năm để xem xét các vấn đề có liên quan về quyền lợi và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

*** Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Tiền lương, Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát hàng năm đều được Đại hội cổ đông thông qua

*** Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có**

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ

Ý kiến kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ sau khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty gồm : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013 đã có ý kiến nhận xét như sau :

Theo ý kiến của chúng tôi, thì báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý) : không có

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26

3004
C
TRÁCH
KI
APC
CH
C
KIE

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIỀN
Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Bán Giám đốc Công ty hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên "Công ty" là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56.03.000043 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai số 1700110786 ngày 17 tháng 11 năm 2010 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Trong năm tài chính, hoạt động chính của Công ty như sau:

- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;
- Sản xuất sợi;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Xuân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên
Ông Phan Minh Hoàng	Thành viên
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên
Ông Trương Thanh Hiếu	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Ông Nguyễn Hữu Đức	Giám đốc
Ông Phan Minh Hoàng	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Ban Giám đốc



NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2014

002-C
Y
TUHAN
N
NAM
H
T
CÁN

Số: 22/2014/BCKT-CT.070

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2014, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**TRANG ĐẮC NHA**

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 28 tháng 03 năm 2014

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.007.685.350	91.680.814.617
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	12.289.015.870	9.980.791.306
Tiền	111		9.289.015.870	9.980.791.306
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		33.496.350.495	46.215.705.479
Phải thu khách hàng	131	4.2	32.657.130.766	44.970.819.874
Trả trước cho người bán	132	4.3	135.825.710	146.019.938
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	863.274.491	1.235.202.019
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(159.880.472)	(136.336.352)
Hàng tồn kho	140	4.5	35.680.137.199	34.918.251.249
Hàng tồn kho	141		35.928.149.674	35.770.979.006
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(248.012.475)	(852.727.757)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.542.181.786	566.066.583
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	236.300.833	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.952.770.470	289.326.725
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	353.110.483	276.739.858



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.075.961.445	29.824.869.077
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		22.435.331.223	26.219.669.077
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	18.815.181.891	26.069.417.077
Nguyên giá	222		111.339.902.441	112.154.067.359
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(92.524.720.550)	(86.084.650.282)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	146.245.280	150.252.000
Nguyên giá	228		150.252.000	150.252.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.006.720)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	3.473.904.052	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.605.200.000	3.605.200.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	4.11	3.605.200.000	3.605.200.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		35.430.222	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		35.430.222	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		110.083.646.795	121.505.683.694

03/4/13
CÒN
RÁCH NHÌ
KIỂM
FC VI
CHÍNH
CÁN
KIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		58.223.149.133	65.594.604.660
Nợ ngắn hạn	310		55.494.453.767	63.468.412.994
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	41.952.388.307	46.930.976.927
Phải trả cho người bán	312	4.13	2.334.345.750	6.380.902.869
Người mua trả tiền trước	313		136.449.100	152.760.800
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	842.117.197	692.342.683
Phải trả công nhân viên	315		6.867.164.284	7.363.808.037
Chi phí phải trả	316		-	300.007.688
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.15	3.250.673.049	1.612.914.083
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		111.316.080	34.699.907
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		2.728.695.366	2.126.191.666
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.16	2.719.306.128	2.123.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		9.389.238	3.191.666
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.860.497.662	55.911.079.034
Vốn chủ sở hữu	410	4.17	51.860.497.662	55.911.079.034
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.703	3.998.703
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.155.420.665	2.591.732.737
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.556.136.186	1.992.448.258
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.144.942.108	11.322.899.336
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		110.083.646.795	121.505.683.694

15-D
 CÔNG TY
 KẾ TÍNH
 HẠNH
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIỀN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		180.520.491	180.520.491
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		7.804.181	4.014.181
Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		272.556,79	12.400,93
- EUR		701,42	1.760,67
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu



VĂN NGỌC LƯU
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIỀN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		203.092.568.397	207.813.217.036
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		17.272.727	-
Doanh thu thuần	10	5.1	203.075.295.670	207.813.217.036
Giá vốn hàng bán	11	5.2	180.402.344.750	179.756.629.303
Lợi nhuận gộp	20		22.672.950.920	28.056.587.733
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.122.424.495	1.915.921.378
Chi phí tài chính	22	5.4	2.775.802.953	5.478.442.643
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.249.878.022</i>	<i>5.084.664.676</i>
Chi phí bán hàng	24		4.963.260.460	4.370.376.157
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.259.049.533	7.797.901.652
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		7.797.262.469	12.325.788.659
Thu nhập khác	31	5.5	695.467.864	363.728.895
Chi phí khác	32	5.6	417.625.306	402.572.977
Lợi nhuận khác	40		277.842.558	(38.844.082)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.075.105.027	12.286.944.577
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	2.008.536.338	960.853.575
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(29.232.650)	3.191.666
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.095.801.339	11.322.899.336
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	1.524	2.831


QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu


VĂN NGỌC LƯU
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	8.075.105.027	12.286.944.577
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.769.434.784	8.220.655.860
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(581.171.162)	(64.331.555)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(29.543.960)	(49.140.769)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(772.204.346)	(936.137.594)
Chi phí lãi vay	06	2.249.878.022	5.084.664.676
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	16.711.498.365	24.542.655.195
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	10.953.879.428	(5.941.647.097)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(157.170.668)	11.333.805.546
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(6.074.586.391)	(71.930.274)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(236.300.833)	-
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.249.878.022)	(5.084.664.676)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.555.522.807)	(220.376.404)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	610.000	27.800.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.071.210.236)	(2.439.583.244)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.321.318.836	22.146.059.046
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.985.096.930)	(4.111.065.867)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	36.363.636
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	772.204.346	923.257.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.212.892.584)	(3.151.444.631)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	109.477.849.485	112.048.027.412
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(113.868.144.970)	(123.243.832.309)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.414.150.000)	(9.185.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.804.445.485)	(20.381.654.897)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	2.303.980.767	(1.387.040.482)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	9.980.791.306	11.951.674.474
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.243.797	(583.842.686)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	12.289.015.870	9.980.791.306


ĐỖ MẠNH HÙNG
Người lập biểu


VĂN NGỌC LƯU
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên "Công ty" là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56.03.000043 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai số 1700110786 ngày 17 tháng 11 năm 2010 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Trong năm tài chính, hoạt động chính của Công ty như sau:

- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;
- Sản xuất sợi;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 479 người (31/12/2012 là 484 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính ngoại trừ sự thay đổi trong chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng hướng dẫn kế toán mới như trình bày tại Thuyết minh số 3.2.

3.2 Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 06 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 07 năm 2013

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Đầu tư

Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

995
NGT
KIỂM HI
VI TOÁN
KIỂM T
NHÂN
V THC
- TP

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm

3.9 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 2%.



3.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.13 Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Các ưu đãi về thuế:

- Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% từ năm 2008 đến năm 2013.
- Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 2007 đến năm 2012.

3.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.16 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Tên Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Nhà Kiên Giang	Việt Nam	Công ty liên kết
Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xi Măng Kiên Giang	Việt Nam	Công ty là cổ đông lớn

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	32.702.879	40.932.929
Tiền gửi ngân hàng	9.256.312.991	9.939.858.377
- VND	3.490.553.237	9.633.700.562
- USD	(i) 5.745.497.133	306.157.815
- EUR	(i) 20.262.621	-
Các khoản tương đương tiền	(ii) 3.000.000.000	-
	12.289.015.870	9.980.791.306

(i) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
- USD	272.556,79	5.745.497.133
- EUR	701,42	20.262.621
		5.765.759.754

(ii) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng (đáo hạn vào ngày 24/01/2014) tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang với lãi suất là 5%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIỀN
 Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	1.115.317.500	1.289.660.350
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	31.541.813.266	43.681.159.524
	32.657.130.766	44.970.819.874

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trả trước cho người bán - Bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba	135.825.710	146.019.938
	135.825.710	146.019.938

4.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu tiền thuế nộp hộ	133.159.479	175.115.110
Phải thu tiền bảo hiểm hàng	181.054.781	224.684.619
Các khoản phải thu khác	549.060.231	835.402.290
	863.274.491	1.235.202.019

4.5 Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	-	1.931.887.460
Nguyên vật liệu	20.451.543.462	15.693.275.888
Công cụ dụng cụ	331.330.437	361.157.422
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.629.136.689	14.135.765.373
Thành phẩm	1.516.139.086	3.648.892.863
Cộng giá gốc hàng tồn kho	35.928.149.674	35.770.979.006
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(248.012.475)	(852.727.757)
Giá trị thuần	35.680.137.199	34.918.251.249

4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	236.300.833	-
	236.300.833	-

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	48.752.252	48.752.252
Tạm ứng cho nhân viên Công ty	304.358.231	227.987.606
	353.110.483	276.739.858

00448
CC
RACHN
KIẾ
AFC
CH
CÍ
TH KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
 Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2013	22.293.794.457	85.189.361.891	3.134.271.386	1.513.403.554	23.236.071	112.154.067.359
Mua trong năm	-	662.854.428	-	-	-	662.854.428
Giảm khác (*)	(152.020.980)	(937.888.153)	(27.800.000)	(336.074.142)	(23.236.071)	(1.477.019.346)
Vào ngày 31/12/2013	22.141.773.477	84.914.328.166	3.106.471.386	1.177.329.412	-	111.339.902.441
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2013	12.737.562.813	70.828.360.681	1.569.208.852	926.281.865	23.236.071	86.084.650.282
Khấu hao trong năm	2.067.083.196	5.116.498.609	434.618.251	147.228.008	-	7.765.428.064
Giảm khác (*)	(122.880.087)	(870.125.741)	(16.936.863)	(292.179.034)	(23.236.071)	(1.325.357.796)
Vào ngày 31/12/2013	14.681.765.922	75.074.733.549	1.986.890.240	781.330.839	-	92.524.720.550
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2013	9.556.231.644	14.361.001.210	1.565.062.534	587.121.689	-	26.069.417.077
Vào ngày 31/12/2013	7.460.007.555	9.839.594.617	1.119.581.146	395.998.573	-	18.815.181.891

(*) Giảm khác trong năm là do kết chuyển các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 VND sang công cụ dụng cụ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2013 có các tài sản có nguyên giá là 71.387.246.260 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (tại ngày 31/12/2012 là 8.128.174.874 VND).

Tại ngày 31/12/2013 có các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 18.815.181.891 VND (tại ngày 31/12/2012 là 26.069.417.077 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

4.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2013	150.252.000
Mua trong năm	-
Vào ngày 31/12/2013	150.252.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2013	-
Khấu hao trong năm	4.006.720
Vào ngày 31/12/2013	4.006.720
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2013	150.252.000
Vào ngày 31/12/2013	146.245.280

Đây là Quyền sử dụng đất tại khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hàng năm.

95
 NG T
 HIỆM H
 A TO
 IẾT
 NHÀ
 N TH
 J - T

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
 Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.13 Phải trả người bán

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải trả người bán - Bên liên quan	-	-
Phải trả người bán - Bên thứ ba	2.334.345.750	6.380.902.869
	<u>2.334.345.750</u>	<u>6.380.902.869</u>

4.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	303.239.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	842.117.197	389.103.665
	<u>842.117.197</u>	<u>692.342.683</u>

4.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	7.809.086	7.809.086
Bảo hiểm xã hội	-	41.743.993
Kinh phí công đoàn	-	715.835.579
Phải trả nguyên liệu bên gia công	-	273.759.006
Phải trả cổ tức cho cổ đông	2.940.327.146	355.310.844
Phải trả, phải nộp khác	302.536.817	218.455.575
	<u>3.250.673.049</u>	<u>1.612.914.083</u>

4.16 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn ngân hàng	2.719.306.128	2.123.000.000
	<u>2.719.306.128</u>	<u>2.123.000.000</u>

Đây là khoản vay có thời hạn 5 năm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang với hạn mức cho vay là 750.000 USD, lãi suất 7,5%/năm với mục đích đầu tư máy tạo sợi công suất 630 kg/h. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn được bảo đảm bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 là 18.815.181.891 VND.



4.17 Vốn chủ sở hữu

Bảng tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 01/01/2012	40.000.000.000	3.998.703	1.984.867.288	1.385.582.809	510.434.895	12.137.308.975	56.022.192.670
Lãi trong năm 2012	-	-	-	-	-	11.322.899.336	11.322.899.336
Trích lập quỹ	-	-	606.865.449	606.865.449	-	(1.213.730.898)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.320.596.346)	(2.320.596.346)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	405.129.129	-	405.129.129
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.602.981.731)	(8.602.981.731)
Giảm khác	-	-	-	-	(915.564.024)	-	(915.564.024)
Số dư ngày 31/12/2012	40.000.000.000	3.998.703	2.591.732.737	1.992.448.258	-	11.322.899.336	55.911.079.034
Số dư ngày 01/01/2013	40.000.000.000	3.998.703	2.591.732.737	1.992.448.258	-	11.322.899.336	55.911.079.034
Lãi trong năm 2013	-	-	-	-	-	6.095.801.339	6.095.801.339
Trích lập quỹ	-	-	563.687.928	563.687.928	-	(1.127.375.856)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.691.063.785)	(1.691.063.785)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(7.999.166.302)	(7.999.166.302)
Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(456.152.624)	(456.152.624)
Số dư ngày 31/12/2013	40.000.000.000	3.998.703	3.155.420.665	2.556.136.186	-	6.144.942.108	51.860.497.662



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
 Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cổ đông	31/12/2013		01/01/2013	
	Số tiền	%	Số tiền	%
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Nhà Kiên Giang	15.380.500.000	38,45	15.380.500.000	38,45
Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	15.380.500.000	38,45	15.380.500.000	38,45
Công ty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	4.000.000.000	10,00	4.000.000.000	10,00
Các tổ chức, cá nhân khác	5.239.000.000	13,10	5.239.000.000	13,10
	40.000.000.000	100	40.000.000.000	100

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	-	-	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

4.18 Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 08 tháng 04 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức của năm 2012 là 7.999.166.302 VND (tương ứng 20%/năm). Trong đó, Công ty sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm 2013 là 7.200.000.000 (tương đương 18%/năm), phần còn lại sẽ chi trả trong năm 2014.

4.19 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 08 tháng 04 năm 2013 đã quyết định trích 5% từ lợi nhuận được phân phối (với số tiền 563.687.928 VND) vào quỹ đầu tư và phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Quỹ dự phòng tài chính

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 08 tháng 04 năm 2013 đã quyết định trích 5% từ lợi nhuận được phân phối (với số tiền 563.687.928 VND) vào quỹ dự phòng tài chính nhằm mục đích bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ khác

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 08 tháng 04 năm 2013 đã quyết định trích 15% từ lợi nhuận được phân phối (với số tiền 1.691.063.785 VND) vào quỹ khen thưởng phúc lợi để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	203.090.395.670	207.806.657.036
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.172.727	6.560.000
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(17.272.727)	-
Doanh thu thuần	<u>203.075.295.670</u>	<u>207.813.217.036</u>

5.2 Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn bán hàng hóa	181.007.060.032	179.785.409.358
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(604.715.282)	(28.780.055)
	<u>180.402.344.750</u>	<u>179.756.629.303</u>

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	75.268.346	90.913.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	696.936.000	832.344.000
Lãi do chênh lệch tỷ giá	350.220.149	943.523.009
	<u>1.122.424.495</u>	<u>1.915.921.378</u>

5.4 Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	2.249.878.022	5.084.664.676
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	525.924.931	393.777.967
	<u>2.775.802.953</u>	<u>5.478.442.643</u>

:8995
 ĐỒNG
 NIỆM
 ẨM TO
 VIỆT
 ANH
 AN TH

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
 Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.5 Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	80.317.124
Các khoản thu nhập khác	695.467.864	283.411.771
	695.467.864	363.728.895

5.6 Chi phí khác

	2013 VND	2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	23.483.642
Chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	366.666.660	366.666.660
Các khoản chi phí khác	50.958.646	12.422.675
	417.625.306	402.572.977

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp "TNDN" hiện hành

	2013 VND	2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.075.105.027	12.286.944.577
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(40.959.773)	(148.963.821)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	693.533.180	715.296.842
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(734.492.953)	(864.260.663)
Tổng thu nhập chịu thuế	8.034.145.254	12.137.980.756
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.008.536.338	1.306.460.511
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(345.606.936)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.008.536.338	960.853.575

5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.826.810.564	145.505.696.134
Chi phí nhân công	31.201.058.974	27.485.036.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.769.434.784	8.220.655.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.338.076.279	11.320.237.779
Chi phí bằng tiền khác	2.113.998.739	1.575.924.015
	195.249.379.340	194.107.550.220



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.9 Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 6.093.557.220 VND (2012: 11.322.899.336 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 4.000.000 cổ phiếu (2012: 4.000.000 cổ phiếu), được tính như sau:

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.093.557.220	11.322.899.336
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.093.557.220	11.322.899.336
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.523	2.831

6. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIỀN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

ii. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	41.952.388.307	2.719.306.128	44.671.694.435
Phải trả người bán	2.334.345.750	-	2.334.345.750
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	3.242.863.963	-	3.242.863.963
	47.529.598.020	2.719.306.128	50.248.904.148
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	46.930.976.927	2.123.000.000	49.053.976.927
Phải trả người bán	6.380.902.869	-	6.380.902.869
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	1.147.533.113	-	1.147.533.113
	54.459.412.909	2.123.000.000	56.582.412.909

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố toàn bộ tài sản cố định của mình vào các khoản vay tại các ngân hàng.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2012 và 31/12/2013.



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
 Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	31.541.813.266	43.681.159.524	31.541.813.266	43.681.159.524
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.115.317.500	1.289.660.350	1.115.317.500	1.289.660.350
<i>Các khoản phải thu khác</i>	703.394.019	1.098.865.667	703.394.019	1.098.865.667
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	3.605.200.000	3.605.200.000	3.605.200.000	3.605.200.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	12.289.015.870	9.980.791.306	12.289.015.870	9.980.791.306
Tổng cộng	49.254.740.655	59.655.676.847	49.254.740.655	59.655.676.847

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

<i>Vay và nợ</i>	44.671.694.435	49.053.976.927	44.671.694.435	49.053.976.927
<i>Phải trả người bán</i>	2.334.345.750	6.380.902.869	2.334.345.750	6.380.902.869
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	3.242.863.963	1.147.533.113	3.242.863.963	1.147.533.113
Tổng cộng	50.248.904.148	56.582.412.909	50.248.904.148	56.582.412.909

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày theo giá trị sổ sách do không đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

7 CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2013 VND
Công ty Cổ phần Xi Măng Kiên Giang	Bán hàng	13.351.294.000
	Thu tiền cổ tức	432.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang	Chi cổ tức	1.768.490.000
Công ty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	Chia cổ tức	720.000.000
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Chia cổ tức	2.768.490.000

Số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2013 VND
-------------------	--------------------	-------------------

Phải thu các bên liên quan

Công ty Cổ phần Xi Măng Kiên Giang	Phải thu tiền bán hàng	1.115.317.500
------------------------------------	------------------------	---------------

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, không còn số dư các khoản phải trả giữa Công ty với các bên có liên quan.




CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIỀN
Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

7.3 Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Lương và thưởng	1.219.450.485	1.095.677.535
Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị	240.000.000	240.000.000
	1.459.450.485	1.335.677.535


QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu


VĂN NGỌC LƯU
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc
Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2014



Kiên Giang, ngày 10 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Đức